BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỆN LỰC

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG HỌC KỲ II NĂM HỌC 2021-2022

Kèm theo quyết định số : 538 /QĐ-ĐHĐL ngày 30 tháng 3 năm 2023

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
1	21810720016	LÊ THỊ ANH	ĐOÀI	18/02/2002	D16QTDVDL&LH2	3.83	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
2	21810000389	NGUYỄN THỊ	LỆ	29/05/2003	D16QTDVDL&LH1	3.75	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
3	21810720011	LƯU VĂN	PHÚC	10/12/2003	D16QTDVDL&LH1	3.75	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
4	21810000411	TRỊNH THỊ NHƯ	QUỲNH	05/04/2003	D16QTDVDL&LH2	3.67	80		Giỏi	12	12	7,850,000	
5	21810000408	NGUYỄN TRÚC	QUỲNH	11/02/2003	D16QTDVDL&LH2	3.67	83		Giỏi	12	12	7,850,000	
6	21810000431	LÊ THU	PHƯƠNG	21/09/2003	D16QTDVDL&LH2	3.58	84		Giỏi	12	12	7,850,000	
7	21810000372	NGUYỄN THỊ	HÀ	23/03/2003	D16QTDVDL&LH1	3.58	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
8	21810810234	NGUYỄN THỊ MAI	HƯƠNG	28/10/2003	D16KTDN4	3.83	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
9	21810810132	NGUYỄN THẢO	NGÂN	03/01/2003	D16KTDN2	3.83	95		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
10	21810810176	ĐỖ THỊ BẢO	YẾN	18/02/2003	D16KTDN3	3.83	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
11	21810810224	ĐẶNG MAI	PHƯƠNG	01/06/2003	D16KTDN4	3.83	81		Giỏi	12	12	7,850,000	
12	21810810340	TRẦN THỊ	LAN	06/03/2003	D16KTDN4	3.83	83		Giỏi	12	12	7,850,000	
13	21810810041	NGUYỄN THỊ THU	NGÂN	12/07/2003	D16KTDN1	3.83	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
14	21810810243	NGUYỄN THỊ A	KIỀU	27/10/2003	D16KTDN4	3.75	84		Giỏi	12	12	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
15	21810810125	ĐINH THỊ THÙY	LINH	02/02/2003	D16KTDN2	3.75	92		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
16	21810810272	TRẦN THỊ	NGÂN	03/04/2003	D16KTDN5	3.75	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
17	21810810238	NGUYỄN THỊ	HẰNG	08/01/2003	D16KTDN4	3.75	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
18	21810810025	LƯU NGỌC	ÁNH	30/09/2003	D16KTDN1	3.75	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
19	21810810318	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	TRÀ	02/09/2003	D16KTDN5	3.75	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
20	21810810227	TRẦN THU	TRANG	26/03/2003	D16KTDN4	3.75	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
21	21810810183	TRẦN THỊ VÂN	ANH	29/05/2003	D16KTDN3	3.67	91		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
22	21810810184	VŨ THỊ THU	HÀ	21/07/2002	D16KTDN3	3.67	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
23	21810810190	PHẠM THÙY	DƯƠNG	05/09/2003	D16KTDN3	3.67	95		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
24	21810810216	NGUYỄN THỊ DIỆU	TÚ	18/12/2003	D16KTDN4	3.67	83		Giỏi	12	12	7,850,000	
25	21810810122	KHÚC HƯƠNG	LAN	12/05/2003	D16KTDN2	3.67	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
26	21810810236	MAI HOÀNG	DƯƠNG	09/04/2003	D16KTDN4	3.63	80		Giỏi	12	12	7,850,000	
27	21810810300	HOÀNG THỊ	QUỲNH	06/03/2003	D16KTDN5	3.63	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
28	21810810040	ĐÀO THỊ THANH	HUYỀN	28/10/2003	D16KTDN1	3.63	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
29	21810810187	TRẦN KHÁNH	LY	12/11/2003	D16KTDN3	3.63	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
30	21810810332	NGUYỄN NGỌC	MAI	29/08/2003	D16KTDN2	3.58	92		Giỏi	12	12	7,850,000	
31	21810830235	DƯƠNG THỊ THU	TRANG	11/03/2003	D16KT&KS	3.75	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
32	21810810022	HOÀNG HÀ	CHI	22/07/2003	D16KT&KS	3.46	82		Giỏi	12	12	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
33	21810810050	NGUYỄN THÙY	LINH	08/09/2003	D16KT&KS	3.46	83		Giỏi	12	12	7,850,000	
34	21810850202	PHẠM THỊ NGỌC	ANH	15/10/2003	D16KIEMTOAN	3.83	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
35	21810850194	VŨ THỊ KHÁNH	LINH	12/02/2003	D16KIEMTOAN	3.67	81		Giỏi	12	12	7,850,000	
36	21810850201	LÊ THỊ	HỒNG	29/05/2003	D16KIEMTOAN	3.58	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
37	21810850205	NGUYỄN THỊ MINH	ĐỨC	29/04/2003	D16KIEMTOAN	3.42	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
38	21810850389	NGUYỄN MINH	XUÂN	01/02/2003	D16KIEMTOAN	3.38	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
39	21810850210	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THƯ	14/07/2003	D16KIEMTOAN	3.33	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
40	21810820178	NGUYỄN XUÂN	PHƯƠNG	15/06/2003	D16NGANHANG1	3.75	90		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
41	21810840220	LÝ DIỆU TRÚC	QUỲNH	17/11/2003	D16NGANHANG2	3.75	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
42	21810820324	TẠ THỊ NGỌC	HUYỀN	17/07/2003	D16NGANHANG1	3.75	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
43	21810840274	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	28/03/2003	D16NGANHANG2	3.71	87		Giỏi	12	12	7,850,000	
44	21810840256	LÊ PHƯƠNG	MAI	20/04/2003	D16NGANHANG2	3.67	81		Giỏi	12	12	7,850,000	
45	21810840285	NGUYỄN THỊ THU	HẰNG	27/11/2003	D16NGANHANG2	3.67	87		Giỏi	12	12	7,850,000	
46	21810840091	TRẦN MAI	LINH	10/02/2003	D16NGANHANG1	3.63	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
47	21810710034	HÀ THU	TRANG	12/01/2003	D16QTDN1	3.83	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
48	21810710405	NGUYỄN THỊ	TRANG	29/09/2003	D16QTDN3	3.83	87		Giỏi	12	12	7,850,000	
49	21810710311	NGUYỄN THỊ BÍCH	THỦY	25/09/2002	D16QTDN5	3.83	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
50	21810710211	NGÔ THỊ THẢO	VÂN	16/11/2003	D16QTDN2	3.83	82		Giỏi	12	12	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
51	21810710280	ĐÀO HOÀNG	LAN	13/04/2003	D16QTDN5	3.83	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
52	21810710460	PHẠM NGỌC	ÁNH	19/08/2003	D16QTDN6	3.83	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
53	21810710169	VŨ THỊ THANH	TRANG	10/05/2003	D16QTDN5	3.75	87		Giỏi	12	12	7,850,000	
54	21810710392	BÙI THỊ XUÂN	MAI	22/03/2003	D16QTDN6	3.75	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
55	21810710040	TRẦN THẢO	MY	05/10/2003	D16QTDN1	3.75	91		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
56	21810710203	TRẦN THỊ KIM	CHI	24/12/2003	D16QTDN2	3.75	95		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
57	21810710407	VĂN THỊ THÚY	HỒNG	05/08/2003	D16QTDN2	3.75	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
58	21810710207	NGUYỄN THỊ	ANH	14/11/2003	D16QTDN2	3.71	80		Giỏi	12	12	7,850,000	
59	21810710048	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	27/05/2003	D16QTDN1	3.58	91		Giỏi	12	12	7,850,000	
60	21810710278	BÙI KHẢ	VĂN	06/08/2003	D16QTDN4	3.58	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
61	21810710170	NGUYỄN THỊ	DIỆP	30/01/2002	D16QTDN5	3.58	91		Giỏi	12	12	7,850,000	
62	21810710163	NGUYỄN THỊ THANH	THỦY	27/03/2003	D16QTDN4	3.58	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
63	21810710314	ĐỖ MINH	NGUYỆT	22/10/2003	D16QTDN5	3.58	84		Giỏi	12	12	7,850,000	
64	21810710171	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	23/11/2001	D16QTDN5	3.58	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
65	21810710086	NGUYỄN HOÀNG	VIỆT	13/09/2003	D16QTDN2	3.54	81		Giỏi	12	12	7,850,000	
66	21810710320	PHÍ THỊ THANH	TRÀ	03/10/2003	D16QTDN5	3.54	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
67	21810710146	DƯƠNG THỊ HỒNG	AN	29/12/2003	D16QTDN4	3.54	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
68	21810710322	ĐỖ THU	HÀ	30/11/2003	D16QTDN5	3.54	84		Giỏi	12	12	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
69	21810710406	NGUYỄN QUANG	HUY	29/08/2003	D16QTDN3	3.5	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
70	21810710312	PHÙNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	07/07/2003	D16QTDN5	3.5	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
71	21810710418	ĐÀO HỒNG	PHƯƠNG	12/01/2003	D16QTDN2	3.5	77		Khá	12	12	7,150,000	
72	21810710193	TRẦN THỊ THẢO	VÂN	10/05/2003	D16QTDN2	3.5	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
73	21810710098	HOÀNG THU	THỦY	15/11/2003	D16QTDN2	3.5	80		Giỏi	12	12	7,850,000	
74	21810710234	BÙI QUỐC	HẢI	02/03/2003	D16QTDN3	3.5	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
75	21810710148	PHAN THỊ PHƯƠNG	THẢO	29/09/2003	D16QTDN4	3.5	84		Giỏi	12	12	7,850,000	
76	21810710029	TRẦN NGỌC TUẤN	LINH	29/11/2003	D16QTDN1	3.46	84		Giỏi	12	12	7,850,000	
77	21810710181	NGUYỄN THẢO	LY	23/01/2003	D16QTDN2	3.46	81		Giỏi	12	12	7,850,000	
78	21810710199	BÙI THÙY	DƯƠNG	18/07/2003	D16QTDN2	3.46	92		Giỏi	12	12	7,850,000	
79	21810710043	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	26/10/2003	D16QTDN1	3.46	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
80	21810720306	DƯƠNG THỊ PHƯƠNG	OANH	09/05/2003	D16QTDLKS	3.5	84		Giỏi	12	12	7,850,000	
81	21810720376	TRẦN THỊ	ĐÀO	28/08/2003	D16QTDLKS	3.5	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
82	21810710164	NGUYỄN HOÀI	THU	09/07/2003	D16QTDLKS	3.08	83		Khá	12	12	7,150,000	
83	21810860426	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/09/2003	D16KDTMTT2	3.83	91		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
84	21810860448	PHAN THỊ TUYẾT	NGA	16/12/2002	D16KDTMTT1	3.83	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
85	21810860389	TRẦN THỊ	OANH	20/02/2003	D16KDTMTT2	3.75	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
86	21810860449	NGUYỄN MINH	HUY	23/12/2003	D16KDTMTT2	3.67	80		Giỏi	12	12	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
87	21810860436	LƯƠNG MẠNH	TÚ	27/10/2003	D16KDTMTT2	3.58	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
88	21810860228	TRẦN KIỀU	NGÂN	16/09/2003	D16KDTMTT1	3.54	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
89	21810860236	VƯƠNG NGỌC	LAN	13/11/2003	D16KDTMTT1	3.54	82		Giỏi	12	12	7,850,000	
90	21810860390	NGUYỄN TÙNG	LÂM	18/09/2003	D16KDTMTT2	3.54	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
91	21810860397	CHU THỊ THANH	HOA	10/07/2003	D16KDTMTT2	3.54	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
92	21810860388	HOÀNG QUỐC	VIỆT	30/11/2003	D16KDTMTT2	3.5	92		Giỏi	12	12	7,850,000	
93	21810860435	ĐÀO THỊ NGỌC	ANH	16/02/2003	D16KDTMTT2	3.5	85		Giỏi	12	12	7,850,000	
94	21810620030	NGUYỄN VĂN	ĐÔNG	06/11/2003	D16CODT1	3.42	83		Giỏi	12	12	8,750,000	
95	21810620476	NGUYỄN QUANG	TRƯỜNG	08/01/2003	D16CODT4	3.42	93		Giỏi	12	12	8,750,000	
96	21810620016	TRỊNH HÀ	THU	12/06/2003	D16CODT1	3.25	89		Giỏi	12	12	8,750,000	
97	21810620492	NGUYỄN QUỐC	DŨNG	28/03/2003	D16CODT4	3.17	87		Khá	12	12	7,950,000	
98	21810620078	NGUYỄN DUY	HÙNG	09/10/2003	D16CODT3	3.17	79		Khá	12	12	7,950,000	
99	21810620082	NGUYỄN HOÀNG	TUẤN	09/10/2003	D16CODT3	3.17	85		Khá	12	12	7,950,000	
100	21810620500	NGUYỄN CÔNG	TẠN	24/09/2003	D16CODT4	3.13	83		Khá	12	12	7,950,000	
101	21810620557	PHÙNG NGỌC	HẢI	31/10/2003	D16CODT5	3.08	80		Khá	12	12	7,950,000	
102	21810620380	LƯƠNG VĂN	KIÊN	14/10/2003	D16CODT1	3.08	87		Khá	12	12	7,950,000	
103	21810620044	NGUYỄN HỮU	HÙNG	09/03/2003	D16CODT2	3	82		Khá	12	12	7,950,000	
104	21810620589	NGUYỄN HỮU	NGHĨA	12/10/2003	D16CODT5	2.96	83		Khá	12	12	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
105	21810620399	HOÀNG ĐỨC	DŨNG	16/07/2003	D16CODT1	2.92	80		Khá	12	12	7,950,000	
106	21810620379	TRẦN VĂN	CHIẾN	02/05/2003	D16CODT3	2.92	85		Khá	12	12	7,950,000	
107	21810620053	QUÁCH MINH	TUYẾN	01/06/2003	D16CODT2	2.92	79		Khá	12	12	7,950,000	
108	21810620384	HOÀNG MẠNH	SƠN	07/10/2003	D16CODT1	2.88	90		Khá	12	12	7,950,000	
109	21810620081	TRẦN NHƯ	GIANG	21/03/2003	D16CODT3	2.88	85		Khá	12	12	7,950,000	
110	21810620423	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	23/09/2003	D16CODT2	2.88	72		Khá	12	12	7,950,000	
111	21810620522	BÙI QUANG	HUY	03/01/2003	D16CODT4	2.88	85		Khá	12	12	7,950,000	
112	21810620040	PHÍ ĐỖ	HÙNG	17/05/2003	D16CODT2	2.83	89		Khá	12	12	7,950,000	
113	21810620415	CAO HỮU	NAM	10/06/2003	D16CODT2	2.83	91		Khá	12	12	7,950,000	
114	21810620495	TẠ VĂN	SỸ	06/06/2003	D16CODT4	2.79	86		Khá	12	12	7,950,000	
115	21810620381	PHẠM VĂN	TUẤN	24/08/2003	D16CODT1	2.79	85		Khá	12	12	7,950,000	
116	21810620433	PHAN DƯƠNG	HOÀNG	10/11/2003	D16CODT3	2.79	85		Khá	12	12	7,950,000	
117	21810620552	NGUYỄN VIỆT	PHÚ	26/12/2003	D16CODT5	2.79	84		Khá	12	12	7,950,000	
118	21810680524	NGUYỄN ĐÌNH	DŨNG	13/08/2003	D16CKOTO3	3.08	81		Khá	12	12	7,950,000	
119	21810680462	NGUYỄN MINH	THẮNG	09/12/2003	D16CKOTO2	3	80		Khá	12	12	7,950,000	
120	21810680400	TĂNG BÁ	QUANG	09/04/2003	D16CKOTO1	2.79	87		Khá	12	12	7,950,000	
121	21810610059	NGUYỄN MẠNH	TẤN	24/08/2003	D16CKOTO1	2.83	88		Khá	12	12	7,950,000	
122	21810680513	PHẠM TIẾN	MẠNH	06/02/2003	D16CKOTO3	2.83	86		Khá	12	12	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
123	21810680382	ĐINH TÂN	HƯỞNG	06/04/2003	D16CKOTO1	2.5	87		Khá	12	12	7,950,000	
124	21810610074	NGUYỄN THÀNH	VINH	15/05/2003	D16CKOTO2	2.67	80		Khá	12	12	7,950,000	
125	21810680431	CHU LÊ XUÂN	THÀNH	19/01/2003	D16CKOTO2	2.54	78		Khá	12	12	7,950,000	
126	21810680491	ĐOÀN DUY	KHÁNH	01/07/2003	D16CKOTO3	2.54	77		Khá	12	12	7,950,000	
127	21810680441	CHU VĂN	CHUNG	14/03/2003	D16CKOTO2	2.58	80		Khá	12	12	7,950,000	
128	21810680411	DƯƠNG ANH	QUÂN	03/04/2003	D16CKOTO1	2.54	82		Khá	12	12	7,950,000	
129	21810680390	BÙI ĐỨC	TRƯỜNG	20/01/2003	D16CKOTO1	2.5	87		Khá	12	12	7,950,000	
130	21810680473	NGUYỄN KẾ	NINH	22/05/2003	D16CKOTO3	2.58	85		Khá	12	12	7,950,000	
131	21810610019	TRẦN MINH	ĐĂNG	02/07/2003	D16CNCTTBD	2.92	86		Khá	12	12	7,950,000	
132	21810610485	NGUYỄN MAI KIỀU	OANH	22/02/2003	D16CKCTM	3.75	82		Giỏi	12	12	8,750,000	
133	21810610438	LÊ NGUYÊN	BIÊN	17/05/2003	D16CKCTM	3.67	83		Giỏi	12	12	8,750,000	
134	21810610424	ĐINH NGỌC	THIỆN	18/08/2003	D16CKCTM	3.46	83		Giỏi	12	12	8,750,000	
135	21810610412	NGUYỄN VĂN	KHANH	21/10/2003	D16CKCTM	3.42	81		Giỏi	12	12	8,750,000	
136	21810610055	TÔ BÁ	THÀNH	04/07/2003	D16CKCTM	3.33	83		Giỏi	12	12	8,750,000	
137	21810670304	PHẠM QUỐC	TRÌNH	07/07/2003	D16CODCT	2.6	89		Khá	10	10	7,950,000	
138	21810510076	TRẦN TRUNG	LAM	20/11/2003	D16HTTM&IOT	3.58	82		Giỏi	12	12	8,750,000	
139	21810550388	PHAN TIẾN	VƯỢNG	26/09/2003	D16DTRB	3.38	81		Giỏi	12	12	8,750,000	
140	21810540421	NGUYỄN VĂN	PHƯƠNG	27/11/2003	D16DT&KTMT1	3.83	91		Xuất sắc	12	12	9,550,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
141	21810540484	MẠC ANH	KHIÊM	07/04/2003	D16DT&KTMT2	3.75	79		Khá	12	12	7,950,000	
142	21810510033	ĐỖ MẠNH	HÀ	14/11/2003	D16DT&KTMT1	3.71	89		Giỏi	12	12	8,750,000	
143	21810540482	NGHIÊM HOÀNG	PHÚC	22/08/2003	D16DT&KTMT2	3.71	80		Giỏi	12	12	8,750,000	
144	21810540470	NGUYỄN HỮU	ĐẠT	17/07/2003	D16DT&KTMT2	3.71	78		Khá	12	12	7,950,000	
145	21810510012	ĐÌNH VĂN	LINH	04/08/2003	D16DT&KTMT1	3.42	88		Giỏi	12	12	8,750,000	
146	21810510031	PHẠM THỊ	HƯỜNG	27/05/2003	D16DTVT1	3.73	84		Giỏi	15	15	8,750,000	
147	21810510086	ĐỖ THÀNH	NAM	09/02/2003	D16DTVT1	3.63	93		Xuất sắc	12	12	9,550,000	
148	21810510016	NGUYỄN ĐĂNG THẾ	VINH	19/11/2003	D16DTVT1	3	78		Khá	12	12	7,950,000	
149	21810510552	NGUYỄN VĂN	DŨNG	17/09/2003	D16DTVT2	2.96	84		Khá	12	12	7,950,000	
150	21810510544	ĐỖ ĐĂNG	DƯƠNG	10/09/2003	D16DTVT2	2.92	82		Khá	12	12	7,950,000	
151	21810510390	NGUYỄN MINH	TRÍ	18/01/2003	D16DTVT1	2.83	81		Khá	12	12	7,950,000	
152	21810510416	PHẠM BÁ	QÚY	02/06/2003	D16DTVT2	2.79	84		Khá	12	12	7,950,000	
153	21810520405	HỒ TRUNG	ĐỨC	10/12/2003	D16KTDT	3.33	81		Giỏi	12	12	8,750,000	
154	21810510062	NGUYỄN TRƯỜNG	SƠN	17/09/2003	D16MVT&MT	3.38	92		Giỏi	12	12	8,750,000	
155	21810570492	CHÂU THÀNH	ĐẠT	08/12/2003	D16MVT&MT	3	84		Khá	12	12	7,950,000	
156	21810570486	LÊ VĂN	MẠNH	13/02/2003	D16MVT&MT	3.04	89		Khá	12	12	7,950,000	
157	21810530531	BÙI THỊ THU	HÀ	25/10/2003	D16TBDTYT	3.5	88		Giỏi	12	12	8,750,000	
158	21810110019	TRẦN QUỐC	TOÀN	03/02/2003	D16DCN&DD1	3.47	93		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
159	21810110193	TRẦN VĂN	THIỆN	27/10/2003	D16DCN&DD2	3.47	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
160	21810180492	PHẠM KHẮC	TÙNG	14/05/2003	D16DCN&DD2	3.47	94		Giỏi	17	17	8,750,000	
161	21810180268	TỪ VĂN	AN	30/09/2003	D16DCN&DD1	3.47	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
162	21810110204	NGUYỄN VĂN	QUANG	17/11/2003	D16DCN&DD2	3.47	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
163	21810180371	VŨ HOÀNG	NAM	25/08/2003	D16DCN&DD2	3.41	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
164	21810180451	ĐOÀN VIỆT	HƯNG	28/09/2003	D16DCN&DD2	3.32	81		Giỏi	17	17	8,750,000	
165	21810180247	ĐỖ ĐÌNH	ĐÔ	03/07/2003	D16DCN&DD1	3.26	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
166	21810180415	PHẠM VĂN	CHIẾN	04/02/2003	D16DCN&DD2	3.26	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
167	21810180433	NGUYỄN VĂN	HƯỞNG	08/10/2003	D16DCN&DD2	3.26	84		Giỏi	17	17	8,750,000	
168	21810110005	NGUYỄN VĂN	VƯƠNG	28/09/2003	D16H1	3.76	91		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
169	21810110026	LƯU XUÂN	HUY	13/09/2002	D16H1	3.53	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
170	21810110018	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	16/07/2003	D16H1	3.65	90		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
171	21810110007	NGUYỄN QUANG	TRỌNG	28/11/2003	D16H1	3.5	91		Giỏi	17	17	8,750,000	
172	21810110464	NGUYỄN CHU GIA	BẢO	05/07/2003	D16H4	3.47	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
173	21810110548	HOÀNG TRỌNG	ĐẠI	12/02/2003	D16H4	3.47	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
174	21810110106	NGUYỄN HỮU	QUANG	11/11/2003	D16H1	3.41	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
175	21810110233	NGUYỄN XUÂN	QUỲNH	02/08/2003	D16H2	3.35	91		Giỏi	17	17	8,750,000	
176	21810110176	ĐỖ VĂN	CƯỜNG	16/03/2003	D16H3	3.18	83		Khá	17	17	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
177	21810110085	NGUYỄN ĐỨC	MẠNH	31/01/2003	D16H1	3.29	91		Giỏi	17	17	8,750,000	
178	21810110075	PHẠM ĐỨC	HOÀNG	17/04/2003	D16H1	3.35	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
179	21810110098	PHẠM MAI MINH	PHƯƠNG	21/11/2003	D16H1	3.29	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
180	21810110003	NGUYỄN TRÚC	LINH	11/12/2003	D16H1	3.35	89		Giỏi	17	17	8,750,000	
181	21810110015	NGUYỄN ĐỖ HUYỀN	TRANG	10/08/2003	D16H1	3.18	87		Khá	17	17	7,950,000	
182	21810110090	NGUYỄN MẠNH	CƯỜNG	25/11/2003	D16H1	3.26	90		Giỏi	17	17	8,750,000	
183	21810110140	PHÙNG THỊ	HIÊNG	26/09/2003	D16H2	3.09	90		Khá	17	17	7,950,000	
184	21810110490	NGUYỄN TIẾN	BÁCH	31/12/2003	D16H4	3.15	90		Khá	17	17	7,950,000	
185	21810110261	VŨ ĐỨC	ANH	10/07/2003	D16H2	3.06	87		Khá	17	17	7,950,000	
186	21810110532	LÊ VIỆT	TÙNG	15/04/2003	D16H4	3.06	86		Khá	17	17	7,950,000	
187	21810110030	KIỀU VĂN	DŨNG	07/04/2003	D16LDTM	2.91	88		Khá	17	17	7,950,000	
188	21810110178	PHAN LÊ	HOÀN	04/09/2003	D16TDHHTD2	3.71	91		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
189	21810170296	NGUYỄN NHƯ	HUỲNH	18/10/2002	D16TDHHTD2	3.38	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
190	21810170466	NGUYỄN TRI	LINH	03/04/2003	D16TDHHTD3	3.35	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
191	21810170419	TRẦN DUY	HOÀNG	28/11/2003	D16TDHHTD3	3.32	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
192	21810110069	MAI THỊ BẢO	NGỌC	01/05/2003	D16TDHHTD1	3.32	84		Giỏi	17	17	8,750,000	
193	21810170311	LƯƠNG ĐỨC	LỘC	25/10/2003	D16TDHHTD2	3.32	89		Giỏi	17	17	8,750,000	
194	21810170340	LÊ MINH	SANG	07/06/2003	D16TDHHTD2	3.29	80		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
195	21810170372	TRỊNH CHÂU	GIANG	28/10/2003	D16TDHHTD2	3.21	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
196	21810170507	NGÔ THỊ THU	UYÊN	13/07/2003	D16TDHHTD3	3.09	90		Khá	17	17	7,950,000	
197	21810170300	DƯƠNG ANH	QUÂN	15/09/2003	D16TDHHTD2	3.06	94		Khá	17	17	7,950,000	
198	21810170218	CHU HOÀNG	ANH	26/11/2000	D16TDHHTD1	3.06	82		Khá	17	17	7,950,000	
199	21810110191	LÊ TUẤN	ANH	17/06/2003	D16TDHHTD2	3.06	80		Khá	17	17	7,950,000	
200	21810170501	ĐÀO MINH	ĐỨC	04/11/2003	D16TDHHTD3	3.06	88		Khá	17	17	7,950,000	
201	21810110161	PHẠM MINH	HIẾU	11/04/2003	D16TDHHTD2	3.03	92		Khá	17	17	7,950,000	
202	21810410145	LÊ ĐÌNH	VIỆT	15/06/2003	D16CNKTDK1	3.6	89		Giỏi	15	15	8,750,000	
203	21810410032	PHẠM ĐÌNH	TÙNG	05/10/2003	D16CNKTDK1	3.27	89		Giỏi	15	15	8,750,000	
204	21810410156	NGUYỄN NAM	PHƯƠNG	26/08/2003	D16CNKTDK1	3.2	85		Giỏi	15	15	8,750,000	
205	21810410683	NGUYỄN ĐỨC	HUY	10/07/2003	D16CNKTDK2	3.2	83		Giỏi	15	15	8,750,000	
206	21810410383	NGUYỄN MINH	ĐIỆP	03/11/2003	D16CNKTDK1	2.93	89		Khá	15	15	7,950,000	
207	21810410521	NGUYỄN ĐỨC	ANH	30/12/2003	D16CNKTDK2	2.93	80		Khá	15	15	7,950,000	
208	21810410648	NGUYỄN VĂN	HOÀN	29/10/2003	D16CNKTDK2	2.93	86		Khá	15	15	7,950,000	
209	21810410590	LƯU TUẤN	KIỆT	17/07/2003	D16CNKTDK2	2.93	83		Khá	15	15	7,950,000	
210	21810440627	HỒ SỸ	VIỆT	22/07/2003	D16THDK&TDH2	3.4	81		Giỏi	15	15	8,750,000	
211	21810440669	NGUYỄN ANH	ĐỨC	18/10/2003	D16THDK&TDH2	3.4	84		Giỏi	15	15	8,750,000	
212	21810410018	NGUYỄN VĂN	KHANG	17/05/2003	D16THDK&TDH1	3.17	96		Khá	15	15	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
213	21810410149	TRẦN NGỌC	HOÀNG	12/03/2003	D16THDK&TDH1	3.03	86		Khá	15	15	7,950,000	
214	21810440600	TRẦN TRUNG	NGUYÊN	03/10/2003	D16THDK&TDH2	3	90		Khá	15	15	7,950,000	
215	21810440632	NGUYỄN TIẾN	ĐẠT	06/12/2003	D16THDK&TDH2	2.83	85		Khá	15	15	7,950,000	
216	21810410142	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	21/07/2002	D16THDK&TDH1	2.83	99		Khá	15	15	7,950,000	
217	21810440400	PHƯƠNG HỮU	TỤ	07/07/2003	D16THDK&TDH1	2.77	97		Khá	15	15	7,950,000	
218	21810410013	ĐINH VĂN	THÀNH	09/08/2003	D16THDK&TDH1	2.77	86		Khá	15	15	7,950,000	
219	21810410068	ĐỖ TIẾN	QUÝ	07/05/2003	D16THDK&TDH1	2.73	82		Khá	15	15	7,950,000	
220	21810410083	TRẦN TÂN	HÀ	31/01/2003	D16THDK&TDH1	2.73	96		Khá	15	15	7,950,000	
221	21810430612	LÊ THÁI	DƯƠNG	25/11/2003	D16TDH&DKTBCN 5	3.87	81		Giỏi	15	15	8,750,000	
222	21810430689	NGUYỄN MINH	ĐỨC	10/10/2003	D16TDH&DKTBCN 5	3.8	84		Giỏi	15	15	8,750,000	
223	21810410060	TRẦN QUANG	TRƯỜNG	03/09/2003	D16TDH&DKTBCN 1	3.8	87		Giỏi	15	15	8,750,000	
224	21810430666	LÊ KHÁNH	DƯƠNG	23/05/2003	D16TDH&DKTBCN 5	3.53	91		Giỏi	15	15	8,750,000	
225	21810430471	LẠI ĐỨC	TÂM	03/02/2003	D16TDH&DKTBCN 3	3.47	86		Giỏi	15	15	8,750,000	
226	21810410665	NGUYỄN TIẾN	SƠN	07/01/2003	D16TDH&DKTBCN 3	3.47	82		Giỏi	15	15	8,750,000	
227	21810430680	NGUYỄN VIỆT	ANH	06/04/2003	D16TDH&DKTBCN 5	3.47	86		Giỏi	15	15	8,750,000	
228	21810430733	NGUYỄN TRUNG	HIẾU	21/09/2003	D16TDH&DKTBCN 1	3.13	82		Khá	15	15	7,950,000	
229	21810430491	LÂM HUY	HOÀNG	09/01/2003	D16TDH&DKTBCN 3	3.13	81		Khá	15	15	7,950,000	
230	21810430486	NGUYỄN MINH	TÂM	31/10/2003	D16TDH&DKTBCN 3	3.1	86		Khá	15	15	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
231	21810430487	NGUYỄN MINH	TRÍ	21/08/2003	D16TDH&DKTBCN 3	3.07	86		Khá	15	15	7,950,000	
232	21810410031	ĐỒNG NHẬT	DƯƠNG	17/11/2003	D16TDH&DKTBCN 1	3.07	81		Khá	15	15	7,950,000	
233	21810410179	NGUYỄN HOÀNG	TÙNG	09/05/2003	D16TDH&DKTBCN 3	3.03	86		Khá	15	15	7,950,000	
234	21810430568	NGUYỄN VĂN	NAM	19/06/2003	D16TDH&DKTBCN 4	3.03	77		Khá	15	15	7,950,000	
235	21810430493	PHẠM TRỌNG	HIẾU	30/08/2002	D16TDH&DKTBCN 3	3	83		Khá	15	15	7,950,000	
236	21810430641	VŨ THÀNH	ĐẠT	24/02/2003	D16TDH&DKTBCN 5	3	81		Khá	15	15	7,950,000	
237	21810430598	NGUYỄN XUÂN	BÁCH	15/05/2003	D16TDH&DKTBCN 4	3	80		Khá	15	15	7,950,000	
238	21810430626	PHÙNG ANH	TÙNG	17/01/2003	D16TDH&DKTBCN 5	2.93	97		Khá	15	15	7,950,000	
239	21810430704	LÊ VĂN	VINH	10/05/2003	D16TDH&DKTBCN 5	2.93	84		Khá	15	15	7,950,000	
240	21810430636	ĐỖ VĨNH	QUANG	12/02/2003	D16TDH&DKTBCN 5	2.87	89		Khá	15	15	7,950,000	
241	21810430479	NGUYỄN TẤN	DŨNG	01/04/2003	D16TDH&DKTBCN 3	2.8	86		Khá	15	15	7,950,000	
242	21810430588	HỨA ĐÌNH	HOÀNG	19/08/2003	D16TDH&DKTBCN 4	2.8	71		Khá	15	15	7,950,000	
243	21810410176	NINH HẢI	BÌNH	17/04/2003	D16TDH&DKTBCN 3	2.8	87		Khá	15	15	7,950,000	
244	21810430775	TRẦN ĐỨC	ANH	15/11/2000	D16TDH&DKTBCN 3	2.8	87		Khá	15	15	7,950,000	
245	21810430371	ĐINH VĂN	KIÊN	22/01/2003	D16TDH&DKTBCN 3	2.77	86		Khá	15	15	7,950,000	
246	21810430526	NGUYỄN TRỌNG	LƯƠNG	13/12/2003	D16TDH&DKTBCN 4	2.77	75		Khá	15	15	7,950,000	
247	21810430580	BÙI DUY	KHÁNH	06/07/2003	D16TDH&DKTBCN 4	2.73	78		Khá	15	15	7,950,000	
248	21810430481	ĐINH LÊ QUANG	TUẤN	27/03/2003	D16TDH&DKTBCN 3	2.73	89		Khá	15	15	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
249	21810410534	ĐẶNG MINH	PHƯƠNG	18/12/2003	D16TDH&DKTBCN 3	2.73	82		Khá	15	15	7,950,000	
250	21810430718	NGUYỄN TUẤN	HƯNG	14/02/2003	D16TDH&DKTBCN 5	2.73	84		Khá	15	15	7,950,000	
251	21819140271	NGUYỄN KHÁNH	LINH	12/01/2003	D16QLMTCN	2.61	92		Khá	14	14	7,950,000	
252	21819150369	NGUYỄN QUỐC	HƯNG	05/05/2003	D16NLTT	2.83	71		Khá	15	15	7,950,000	
253	21819100002	TRẦN TIẾN	ĐẠT	19/10/2003	D16NLTT	2.73	92		Khá	15	15	7,950,000	
254	21810310426	TRỊNH MỸ	DUYÊN	17/05/2003	D16CNPM3	3.88	92		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
255	21810310613	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	05/11/2003	D16CNPM7	3.88	90		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
256	21810310530	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	26/05/2003	D16CNPM5	3.88	80		Giỏi	17	17	8,750,000	
257	21810310146	LƯƠNG THỊ XUÂN	MAI	26/12/2003	D16CNPM5	3.88	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
258	21810310021	NGUYỄN MINH	ĐỨC	23/07/2003	D16CNPM1	3.88	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
259	21810310037	NGUYỄN MẠNH	KIÊN	29/03/2003	D16CNPM1	3.88	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
260	21810310609	NGUYỄN VĂN	TÙNG	03/12/2003	D16CNPM7	3.88	84		Giỏi	17	17	8,750,000	
261	21810310070	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	29/04/2003	D16CNPM1	3.82	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
262	21810310363	MAI TIẾN	ĐẠT	17/02/2003	D16CNPM2	3.76	81		Giỏi	17	17	8,750,000	
263	21810310028	NGUYỄN DUY	DƯƠNG	15/11/2003	D16CNPM1	3.76	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
264	21810310552	NGUYỄN TIẾN	MÙI	25/12/2003	D16CNPM6	3.74	84		Giỏi	17	17	8,750,000	
265	21810310176	NGÔ THU	THỦY	13/10/2003	D16CNPM6	3.71	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
266	21810310150	LÊ THỊ	TRÀ	25/10/2003	D16CNPM5	3.71	83		Giỏi	17	17	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
267	21810310040	VŨ THẾ	HỌC	17/10/2003	D16CNPM1	3.71	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
268	21810310010	PHAN	NGUYÊN	28/12/2003	D16CNPM1	3.71	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
269	21810310109	HOÀNG MINH	ĐẠO	21/12/2003	D16CNPM3	3.68	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
270	21810310033	PHẠM NGỌC	NGHĨA	22/10/2003	D16CNPM1	3.65	81		Giỏi	17	17	8,750,000	
271	21810310512	MAI ĐÌNH	ĐẠT	20/05/2003	D16CNPM5	3.65	90		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
272	21810310141	LƯƠNG THÙY	DUNG	18/03/2003	D16CNPM5	3.65	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
273	21810310377	ĐẶNG TUẤN	NINH	09/03/2003	D16CNPM2	3.65	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
274	21810310442	NGUYỄN HỒNG	TÌNH	27/11/2003	D16CNPM3	3.65	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
275	21810310463	NGUYỄN QUÝ	DƯƠNG	24/12/2003	D16CNPM4	3.65	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
276	21810310144	PHẠM THỊ THU	HOÀI	12/02/2003	D16CNPM5	3.62	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
277	21810310050	NGUYỄN CÔNG	SƠN	22/05/2003	D16CNPM1	3.62	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
278	21810310185	LÊ MẠNH	TRƯỜNG	13/11/2003	D16CNPM6	3.59	79		Khá	17	17	7,950,000	
279	21810310439	NGUYỄN VĂN	PHÚC	06/03/2003	D16CNPM5	3.59	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
280	21810310406	NGUYỄN THỊ KIM	GIANG	04/11/2002	D16CNPM3	3.59	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
281	21810310535	PHẠM HOÀNG	SƠN	29/04/2003	D16CNPM5	3.59	81		Giỏi	17	17	8,750,000	
282	21810310407	TRẦN NHẬT	DUY	12/11/2003	D16CNPM3	3.56	87		Giỏi	17	17	8,750,000	
283	21810310132	NGUYỄN THẾ	TÙNG	04/04/2003	D16CNPM4	3.56	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
284	21810310547	TRẦN HỮU	VƯỢNG	10/08/2003	D16CNPM5	3.56	77		Khá	17	17	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
285	21810310069	PHẠM QUANG	VINH	28/09/2003	D16CNPM1	3.56	82		Giỏi	17	17	8,750,000	
286	21810310186	HÀ VĂN	HOÀNG	02/08/2003	D16CNPM6	3.56	88		Giỏi	17	17	8,750,000	
287	21810340607	NGÔ THỊ QUỲNH	MAI	15/09/2003	D16HTTMDT	3.88	85		Giỏi	17	17	8,750,000	
288	21810340542	MAI HẢI	YẾN	03/11/2003	D16HTTMDT	3.74	83		Giỏi	17	17	8,750,000	
289	21810340581	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	16/05/2003	D16HTTMDT	3.68	86		Giỏi	17	17	8,750,000	
290	21810310020	ĐINH THỊ	HẢI	13/09/2003	D16HTTMDT	3.62	91		Xuất sắc	17	17	9,550,000	
291	21810310042	NGUYỄN HỮU VIỆT	ANH	13/02/2003	D16QTANM	3.75	87		Giỏi	20	20	8,750,000	
292	21810310178	ĐẶNG ĐÌNH VIỆT	ANH	08/11/2003	D16QTANM	3.7	84		Giỏi	20	20	8,750,000	
293	21810310031	NGÔ MINH	HIẾU	22/05/2003	D16TTNT&TGMT	3.76	84		Giỏi	17	17	8,750,000	
294	21819120163	PHÙNG	HƯNG	25/01/2001	D16DIENLANH2	3.57	83		Giỏi	14	14	8,750,000	
295	21819120178	NGUYỄN QUỐC	VINH	09/12/2003	D16DIENLANH2	3.21	85		Giỏi	14	14	8,750,000	
296	21819110024	NGUYỄN VĂN	TUẤN	19/10/2002	D16DIENLANH1	3.18	81		Khá	14	14	7,950,000	
297	21819120122	VŨ HỮU	SỸ	11/08/2003	D16DIENLANH2	2.96	95		Khá	14	14	7,950,000	
298	21819110022	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	02/12/2003	D16DIENLANH1	2.86	79		Khá	14	14	7,950,000	
299	21819120123	TRẦN NHƯ	TRUNG	05/02/2003	D16DIENLANH2	2.82	88		Khá	14	14	7,950,000	
300	21819110048	PHẠM TRUNG	KIÊN	25/12/2003	D16DIENLANH2	2.82	87		Khá	14	14	7,950,000	
301	21819120149	BÙI MẠNH	HÙNG	19/05/2003	D16DIENLANH1	2.79	82		Khá	14	14	7,950,000	
302	21819120144	VŨ VĂN	HOÀNG	26/05/2003	D16DIENLANH1	2.75	81		Khá	14	14	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
303	21819130188	ĐỖ HOÀNG	VÂN	20/09/2003	D16NHIETCN	2.57	85		Khá	14	14	7,950,000	
304	21819110133	PHAN BÁ	ĐẠT	04/10/2003	D16NHIETDIEN	2.96	78		Khá	14	14	7,950,000	
305	21819110164	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	24/05/2003	D16NHIETDIEN	2.75	80		Khá	14	14	7,950,000	
306	21810230484	TRẦN THỊ	HẠNH	06/06/2003	D16LOGISTICS3	3.62	97		Xuất sắc	13	13	9,550,000	
307	21810230434	NGUYỄN THỊ ÁNH	TUYẾT	20/02/2003	D16LOGISTICS3	3.58	92		Giỏi	13	13	8,750,000	
308	21810230004	NGUYỄN THÙY	LINH	04/01/2003	D16LOGISTICS1	3.46	82		Giỏi	13	13	8,750,000	
309	21810230060	HOÀNG THỊ YẾN	GIANG	12/11/2003	D16LOGISTICS2	3.42	84		Giỏi	13	13	8,750,000	
310	21810230421	NGUYỄN HỒNG	NGỌC	26/08/2003	D16LOGISTICS3	3.42	86		Giỏi	13	13	8,750,000	
311	21810230023	ĐẶNG VĂN	THIỆN	04/04/2003	D16LOGISTICS1	3.38	77		Khá	13	13	7,950,000	
312	21810230377	NGUYỄN THỊ BÍCH	HỒNG	22/08/2003	D16LOGISTICS1	3.38	80		Giỏi	13	13	8,750,000	
313	21810230387	TRẦN LÝ TÙNG	SƠN	08/11/2003	D16LOGISTICS2	3.38	81		Giỏi	13	13	8,750,000	
314	21810230457	VŨ MAI	ANH	18/07/2003	D16LOGISTICS3	3.35	89		Giỏi	13	13	8,750,000	
315	21810230454	TRẦN ĐĂNG MINH	VƯƠNG	07/10/2003	D16LOGISTICS3	3.35	89		Giỏi	13	13	8,750,000	
316	21810230003	CAO LÊ LAN	NGỌC	20/12/2003	D16LOGISTICS1	3.35	88		Giỏi	13	13	8,750,000	
317	21810230396	TRẦN TRUNG	KIÊN	27/01/2003	D16LOGISTICS2	3.35	89		Giỏi	13	13	8,750,000	
318	21810230505	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	08/05/2003	D16QLSX&TN	3.23	81		Giỏi	13	13	8,750,000	
319	21810230423	NGÔ THỊ NGỌC	HÀ	26/01/2003	D16QLSX&TN	3.19	90		Khá	13	13	7,950,000	
320	21810230352	GIANG THỊ HỒNG	NGỌC	17/05/2003	D16QLSX&TN	2.85	87		Khá	13	13	7,950,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
321	21810230478	NGUYỄN CẨM	LINH	23/06/2003	D16QLSX&TN	2.73	88		Khá	13	13	7,950,000	
322	21810270044	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	22/06/2003	D16KTNL	3.27	86		Giỏi	13	13	8,750,000	
323	21810210003	LÊ VĂN	TUẤN	22/10/2003	D16KTNL	3.27	91		Giỏi	13	13	8,750,000	
324	21810260033	NGUYỄN VŨ HẢI	ANH	13/08/2003	D16TTDIEN	3.58	84		Giỏi	13	13	8,750,000	
325	21810260030	NGUYỄN MAI	LINH	25/12/2003	D16TTDIEN	2.65	82		Khá	13	13	7,950,000	
326	21810640322	NGUYỄN TIẾN	KHANG	22/04/2003	D16QLDA&CTXD	3	82		Khá	10	10	7,950,000	
327	21810640337	VŨ CÔNG	MINH	07/12/2003	D16QLDA&CTXD	2.8	84		Khá	10	10	7,950,000	
328	21810640355	NGUYỄN THÀNH	LUÂN	06/08/2003	D16QLDA&CTXD	2.85	70		Khá	10	10	7,950,000	
329	21810630007	TRẦN THẮNG	CÔNG	22/03/2003	D16QLDA&CTXD	2.65	92		Khá	10	10	7,950,000	
330	20810810003	PHẠM THỊ PHƯƠNG	ANH	20/05/2001	D15KTDN1	3.84	84		Giỏi	19	19	7,850,000	
331	20810810071	NGUYỄN THỊ NAM	PHƯƠNG	15/07/2002	D15KTDN2	3.74	87		Giỏi	19	19	7,850,000	
332	20810810050	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	11/01/2002	D15KTDN1	3.68	86		Giỏi	19	19	7,850,000	
333	20810810065	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	05/12/2002	D15KTDN2	3.66	92		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
334	20810830215	TRẦN THU	HIỀN	12/11/2002	D15KTDN3	3.66	91		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
335	20810810103	CAO THỊ	THÚY	15/08/2001	D15KTDN2	3.63	85		Giỏi	19	19	7,850,000	
336	20810810109	VŨ THỊ THU	HIỀN	03/08/2002	D15KTDN1	3.61	87		Giỏi	19	19	7,850,000	
337	20810810165	HÀ THỊ HOÀI	THU	14/10/2002	D15KTDN3	3.53	88		Giỏi	19	19	7,850,000	
338	20810810136	NGUYỄN ÍCH	HÀ	07/06/2002	D15KTDN2	3.5	86		Giỏi	19	19	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
339	20810810051	DƯƠNG THÙY	LINH	16/10/2002	D15KTDN1	3.5	83		Giỏi	19	19	7,850,000	
340	20810810007	ĐINH THỊ HƯƠNG	GIANG	09/02/2002	D15KTDN1	3.5	82		Giỏi	19	19	7,850,000	
341	20810830236	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	31/10/2002	D15KTDN3	3.5	83		Giỏi	19	19	7,850,000	
342	20810810129	NGUYỄN DIỆU	LINH	01/05/2002	D15KTDN2	3.45	86		Giỏi	19	19	7,850,000	
343	20810810029	NGUYỄN QUỲNH	ANH	15/05/2002	D15KTDN1	3.39	78		Khá	19	19	7,150,000	
344	20810830229	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	29/05/2002	D15KTDN3	3.39	89		Giỏi	19	19	7,850,000	
345	20810830200	ĐẶNG HUYỀN	TRANG	18/12/2002	D15KT&KS	3.42	89		Giỏi	19	19	7,850,000	
346	20810810173	ĐOÀN BÙI PHƯƠNG	THANH	22/11/2002	D15KT&KS	3.34	93		Giỏi	19	19	7,850,000	
347	20810850019	PHẠM THỊ	YẾN	29/08/2002	D15KIEMTOAN1	3.82	83		Giỏi	19	19	7,850,000	
348	20810850054	ĐÀO THANH	HIỀN	12/01/2002	D15KIEMTOAN1	3.76	87		Giỏi	19	19	7,850,000	
349	20810850036	LƯU QUỲNH	DUYÊN	11/03/2002	D15KIEMTOAN1	3.76	92		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
350	20810850020	HOÀNG THÙY	LINH	11/03/2002	D15KIEMTOAN1	3.76	86		Giỏi	19	19	7,850,000	
351	20810850031	NGUYỄN THANH	HUYỀN	20/12/2002	D15KIEMTOAN1	3.68	80		Giỏi	19	19	7,850,000	
352	20810850029	TRƯƠNG NGỌC	ÁNH	09/10/2002	D15KIEMTOAN1	3.68	83		Giỏi	19	19	7,850,000	
353	20810000004	NGUYỄN VĂN	HUÂN	27/03/2002	D15KDTMTT2	3.66	92		Xuất sắc	19	19	8,550,000	
354	20810000115	VŨ HỒNG	THẮM	19/08/2002	D15KDTMTT2	3.5	93		Giỏi	19	19	7,850,000	
355	20810000174	NGÔ TRUNG	KIÊN	18/01/2002	D15KDTMTT2	3.47	87		Giỏi	19	19	7,850,000	
356	20810000187	NGUYỄN VĂN	HUY	24/10/2002	D15KDTMTT2	3.39	95		Giỏi	19	19	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
357	20810000085	DƯƠNG THỊ	DUYÊN	08/09/2002	D15KDTMTT2	3.26	95		Giỏi	19	19	7,850,000	
358	20810000344	NGÔ THANH	HOÀI	13/09/2002	D15KDTMTT2	3.18	85		Khá	19	19	7,150,000	
359	20810000131	NGUYỄN THU	HÀ	06/06/2002	D15KDTMTT2	3.13	87		Khá	19	19	7,150,000	
360	20810000162	ĐỖ THỊ THU	HÀ	12/03/2002	D15KDTMTT2	3.08	85		Khá	19	19	7,150,000	
361	20810000189	LÊ VĂN	SÁNG	21/08/2001	D15KDTMTT2	3.05	80		Khá	19	19	7,150,000	
362	20810820083	NGUYỄN VĂN	DOANH	07/11/2002	D15NGANHANG	3.56	81		Giỏi	17	17	7,850,000	
363	20810820081	NGUYỄN QUANG GIA	TƯỜNG	28/10/2002	D15NGANHANG	3.47	83		Giỏi	17	17	7,850,000	
364	20810820096	DOÃN HÀ	NGỌC	03/02/2002	D15NGANHANG	3.29	82		Giỏi	17	17	7,850,000	
365	20810840012	LÊ MINH	HOÀNG	23/02/2000	D15NGANHANG	3.29	87		Giỏi	17	17	7,850,000	
366	21810820172	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/07/2003	D16TCDN1	3.83	87		Giỏi	12	12	7,850,000	
367	21810820332	VŨ PHƯƠNG	ANH	27/08/2003	D16TCDN2	3.83	88		Giỏi	12	12	7,850,000	
368	21810820278	ĐẶNG THỊ KIM	HOAN	18/02/2003	D16TCDN2	3.83	84		Giỏi	12	12	7,850,000	
369	21810820266	PHẠM THỊ THU	HUYỀN	12/12/2003	D16TCDN2	3.83	87		Giỏi	12	12	7,850,000	
370	21810820304	TRẦN THỊ THU	HIỀN	18/05/2003	D16TCDN2	3.75	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
371	21810820252	LÊ AN	NGÂN	19/09/2003	D16TCDN2	3.75	97		Xuất sắc	12	12	8,550,000	
372	21810820199	NGUYỄN THỊ	LINH	01/09/2003	D16TCDN2	3.75	81		Giỏi	12	12	7,850,000	
373	21810820281	LÊ THỊ	LÀNH	17/06/2003	D16TCDN2	3.75	86		Giỏi	12	12	7,850,000	
374	21810820129	NGUYỄN THỊ HUYỀN	MY	20/12/2003	D16TCDN1	3.75	89		Giỏi	12	12	7,850,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
375	21810820333	BÙI THỊ	NHUNG	12/01/2002	D16TCDN2	3.71	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
376	21810820282	TRẦN THÚY	NGA	14/10/2003	D16TCDN2	3.67	89		Giỏi	12	12	7,850,000	
377	20810000029	KIỀU THỊ HỒNG	NHUNG	25/11/2002	D15QTDVDL&LH1	3.76	88		Giỏi	17	17	7,850,000	
378	20810000412	HOÀNG HIẾU	BÌNH	25/08/2002	D15QTDVDL&LH1	3.71	78		Khá	17	17	7,150,000	
379	20810000384	NGUYỄN THU	ĐIỆP	30/03/2002	D15QTDVDL&LH1	3.71	80		Giỏi	17	17	7,850,000	
380	20810000133	KHƯƠNG THỊ	LÀNH	17/06/2002	D15QTDVDL&LH1	3.68	80		Giỏi	17	17	7,850,000	
381	20810000350	NGUYỄN PHƯƠNG	ANH	23/09/2002	D15QTDVDL&LH2	3.65	90		Xuất sắc	17	17	8,550,000	
382	20810710166	NGUYỄN HỒ BẢO	NGỌC	20/06/2002	D15QTDN2	3.62	90		Xuất sắc	17	17	8,550,000	
383	20810710185	TRẦN THỊ NGỌC	LINH	22/01/2002	D15QTDN3	3.56	85		Giỏi	17	17	7,850,000	
384	20810710199	NGUYỄN THỊ QUỲNH	GIANG	30/08/2002	D15QTDN3	3.53	82		Giỏi	17	17	7,850,000	
385	20810720015	NGUYỄN NGỌC TUẤN	MINH	16/02/2000	D15QTDN5	3.41	94		Giỏi	17	17	7,850,000	
386	20810000307	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	17/06/2002	D15QTDN4	3.41	79		Khá	17	17	7,150,000	
387	20810710235	DƯƠNG TRÀ	MY	11/01/2002	D15QTDN5	3.38	81		Giỏi	17	17	7,850,000	
388	20810710256	PHẠM HOÀNG	PHƯƠNG	29/11/2002	D15QTDN5	3.38	81		Giỏi	17	17	7,850,000	
389	20810710001	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	12/04/2001	D15QTDN5	3.35	81		Giỏi	17	17	7,850,000	
390	20810710164	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	28/07/2002	D15QTDN5	3.35	81		Giỏi	17	17	7,850,000	
391	20810710193	NGUYỄN ÁNH	HỒNG	29/06/2002	D15QTDN3	3.29	85		Giỏi	17	17	7,850,000	
392	20810710081	PHẠM VĂN	VƯƠNG	25/08/2002	D15QTDN1	3.18	93		Khá	17	17	7,150,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
393	20810710088	TRỊNH THỊ	MAI	23/06/1999	D15QTDN1	3.18	88		Khá	17	17	7,150,000	
394	20810710092	TRẦN NAM	ANH	21/08/2002	D15QTDN5	3.18	81		Khá	17	17	7,150,000	
395	20810710143	NGUYỄN KIM	ANH	18/10/2002	D15QTDN5	3.12	81		Khá	17	17	7,150,000	
396	20810720025	TRẦN THỊ	TRANG	05/10/2002	D15QTDN4	3.09	81		Khá	17	17	7,150,000	
397	20810720046	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	31/07/2001	D15QTDN5	3.09	81		Khá	17	17	7,150,000	
398	20810710261	TRẦN VĂN	TÚ	23/08/2002	D15QTDN2	3.09	87		Khá	17	17	7,150,000	
399	20810710288	TRẦN QUỲNH	ANH	28/09/2002	D15QTDN5	3.09	81		Khá	17	17	7,150,000	
400	20810720020	VƯƠNG THỊ VÂN	ANH	11/11/2002	D15QTDN4	3.09	79		Khá	17	17	7,150,000	
401	20810710095	BÙI QUỲNH	TRANG	06/12/2002	D15QTDN1	3.09	81		Khá	17	17	7,150,000	
402	20810710159	HỒ THỊ HẢI	YẾN	23/09/2002	D15QTDN2	3.03	85		Khá	17	17	7,150,000	
403	20810720053	NGUYỄN ANH	TÙNG	21/10/2002	D15QTDLKS	3.19	90		Khá	18	18	7,150,000	
404	20810720023	NGUYỄN TUẤN	TÚ	18/11/2002	D15QTDLKS	3.17	85		Khá	18	18	7,150,000	
405	20810000237	LÊ THANH	HẢI	23/05/2001	D15CKOTO2	3.47	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
406	20810610035	PHÙNG TIẾN	DŨNG	23/12/2002	D15CKOTO1	3.21	86		Giỏi	19	19	8,750,000	
407	20810000200	NGUYỄN VĂN	NAM	14/02/2002	D15CKOTO2	2.76	85		Khá	19	19	7,950,000	
408	20810000238	NGUYỄN VĂN	HIẾU	12/08/2001	D15CKOTO2	2.55	89		Khá	19	19	7,950,000	
409	20810610259	NGUYỄN BÁ PHƯƠNG	NAM	25/12/2002	D15CKOTO1	2.5	88		Khá	19	19	7,950,000	
410	20810620054	LÊ HỒNG	PHI	19/10/2002	D15CODT1	3.79	89		Giỏi	19	19	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
411	20810620002	ĐỖ ĐỨC	TIỆP	23/11/2002	D15CODT1	3.32	83		Giỏi	19	19	8,750,000	
412	20810620087	LÊ ĐÌNH	HƯNG	17/10/2002	D15CODT2	3.26	94		Giỏi	19	19	8,750,000	
413	20810620057	PHẠM NGỌC	KHIÊM	11/10/2002	D15CODT1	3.18	86		Khá	19	19	7,950,000	
414	20810620096	NGUYỄN ĐÌNH	DUY	20/11/2002	D15CODT2	3.16	94		Khá	19	19	7,950,000	
415	20810620033	ĐÀO VĂN	LONG	20/12/2002	D15CODT3	3.05	80		Khá	19	19	7,950,000	
416	20810620043	PHÙNG MẠNH	HÙNG	11/09/2002	D15CODT1	3	78		Khá	19	19	7,950,000	
417	20810620029	LÊ VĂN	TÀI	12/06/2002	D15CODT1	2.95	83		Khá	19	19	7,950,000	
418	20810620052	NGUYỄN VĂN	LƯƠNG	13/12/2002	D15CODT3	2.92	90		Khá	19	19	7,950,000	
419	20810620015	MAI ANH	GIANG	10/05/2002	D15CODT3	2.84	83		Khá	19	19	7,950,000	
420	20810310042	TRẦN HỮU CHÂU	MINH	09/10/1997	D15CNPM1	3.94	87		Giỏi	18	18	8,750,000	
421	20810340160	NGUYỄN DUY	NAM	06/06/2002	D15CNPM3	3.81	84		Giỏi	18	18	8,750,000	
422	20810310074	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	MAI	03/10/1999	D15CNPM2	3.78	83		Giỏi	18	18	8,750,000	
423	20810310273	TRẦN ANH	TUẤN	12/03/2002	D15CNPM2	3.78	80		Giỏi	18	18	8,750,000	
424	20810310402	NGUYỄN VĂN	HUY	15/06/2002	D15CNPM4	3.75	81		Giỏi	18	18	8,750,000	
425	20810310274	NGUYỄN TRUNG	NGUYÊN	07/12/2002	D15CNPM2	3.75	84		Giỏi	18	18	8,750,000	
426	20810310475	TRẦN TUẤN	ANH	15/09/2002	D15CNPM5	3.75	88		Giỏi	18	18	8,750,000	
427	20810320134	VÕ BÌNH	THẮNG	18/09/2002	D15CNPM7	3.75	84		Giỏi	18	18	8,750,000	
428	20810310267	NGUYỄN DUY	HIẾU	11/07/2002	D15CNPM2	3.72	84		Giỏi	18	18	8,750,000	

TT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Tên lớp học	Điểm TB tín chỉ xét HB	Điểm rèn luyện xét HB	TBC khóa học	Xếp loại nhận học bổng	Số đơn vị học trình đăng ký	Số đơn vị học trình điều kiện	Mức tiền được hưởng sinh viên (ĐVT: VNĐ)	Ghi chú
429	20810320107	ĐỖ ĐĂNG	TÙNG	10/06/2002	D15CNPM7	3.72	84		Giỏi	18	18	8,750,000	
430	20810310496	NGUYỄN QUỐC	ĐẠT	03/04/2002	D15CNPM6	3.72	86		Giỏi	18	18	8,750,000	
431	20810310006	NGUYỄN TRỌNG	NGHĨA	21/09/2002	D15CNPM1	3.72	83		Giỏi	18	18	8,750,000	
432	20810340149	ĐẶNG VĂN	DOANH	24/08/2002	D15CNPM3	3.69	84		Giỏi	18	18	8,750,000	
433	20810310368	VƯƠNG ĐÌNH	TRANG	11/04/2002	D15CNPM4	3.69	83		Giỏi	18	18	8,750,000	
434	20810340195	PHẠM THÁI	SƠN	28/07/2002	D15CNPM2	3.69	80		Giỏi	18	18	8,750,000	
435	20810310298	PHAN TIẾN	HUY	21/09/2002	D15CNPM2	3.69	88		Giỏi	18	18	8,750,000	
436	20810340167	TRẦN LÊ ANH	VŨ	06/02/2002	D15CNPM4	3.69	81		Giỏi	18	18	8,750,000	
437	20810310300	NGUYỄN VĂN	HẢI	16/12/2001	D15CNPM2	3.67	90		Xuất sắc	18	18	9,550,000	
438	20810320104	DƯƠNG KHÁNH	LINH	04/11/2002	D15CNPM7	3.67	84		Giỏi	18	18	8,750,000	
439	20810320131	PHAN TRUNG	KIÊN	14/05/2002	D15CNPM7	3.67	82		Giỏi	18	18	8,750,000	
440	20810310336	NGUYỄN KIM	QUÂN	29/11/2002	D15CNPM3	3.64	80		Giỏi	18	18	8,750,000	
441	20810310383	ĐỖ KHẮC	TÚ	18/02/2002	D15CNPM4	3.64	82		Giỏi	18	18	8,750,000	
442	20810310338	TRẦN GIA	KHÁNH	31/08/2002	D15CNPM3	3.61	85		Giỏi	18	18	8,750,000	
443	20810310031	VŨ HUY	HOÀNG	23/01/2002	D15CNPM1	3.61	87		Giỏi	18	18	8,750,000	
444	20810310512	GIÁP CHÍ	CÔNG	20/06/2002	D15CNPM6	3.61	81		Giỏi	18	18	8,750,000	
445	20810310405	TRẦN HẢI	ĐĂNG	12/08/2002	D15CNPM4	3.61	83		Giỏi	18	18	8,750,000	
446	20810310271	TRẦN HOÀNG	TRUNG	15/01/2002	D15CNPM2	3.58	81		Giỏi	18	18	8,750,000	